

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - HUẾ
THÀNH PHỐ HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 12/01/2026

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Vũ Như Quỳnh và ông Hoàng Quốc Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Anh Minh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025 về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 26/12/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Ngọc Q, sinh ngày: 19/02/1964; căn cước công dân số 046164002xxx, ngày cấp: 22/12/2022; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Bộ Công an; nơi thường trú: 1Thôn ACT, xã CM-LC, thành phố Huế. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh ngày 11/09/1961; căn cước công dân số 044061001xxx; ngày cấp: 28/6/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Bộ Công an; nơi thường trú: 1Thôn ACT, xã CM-LC, thành phố Huế. Vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 10 năm 2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Hải, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế cũ (nay là Ủy ban nhân dân xã Chân Mây - Lăng Cô, thành phố Huế) vào ngày 11/01/1990. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về sinh sống tại số nhà 1Thôn ACT, xã CM-LC, thành phố Huế. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là ông T có hành vi bạo lực gia đình, không tôn trọng bà. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn T có 03 người con chung: Nguyễn Lê T Phi, sinh ngày: 24/10/1990; Nguyễn Lê Mai Thuỳ, sinh ngày: 26/10/1992 và Nguyễn Lê Đức Long, sinh ngày: 26/9/2000. Hiện nay, những người con chung đã trưởng thành (trên 18 tuổi), đã có cuộc sống riêng nên bà không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Lê Thị Ngọc Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, người khởi kiện đã nộp các tài liệu, chứng cứ sau đây: 01 bản sao trích lục kết hôn; 02 bản sao căn cước công dân nguyên đơn, bị đơn; 03 bản sao giấy khai sinh của các con; xác nhận thông tin về cư trú; Đơn xin miễn án phí.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập; các Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Nguyễn Văn T về việc bà Lê Thị Ngọc Q yêu cầu ly hôn với ông. Tại biên bản xác minh ngày 19/11/2025 Ủy ban nhân dân xã Chân Mây - Lăng Cô cho biết, ông T cư trú tại số nhà 1 Thôn ACT, xã CM-LC, thành phố Huế. Do ông T không có mặt tại địa phương nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông T vắng mặt tất cả các buổi làm việc của Tòa án nên không có ý kiến của ông T đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc Q và Tòa án không thể tiến hành hoà giải được.

Tại phiên tòa ngày 26/12/2025, Tòa án đã mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử nhưng do bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 12/01/2026, đồng thời niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định nhưng ông T tiếp tục vắng mặt.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố Huế phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự thủ tục đảm bảo khách quan, Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi, thủ tục tố tụng tại phiên tòa được Hội đồng xét xử tiến hành đảm bảo đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đã được tổng đạt thông báo, giấy triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228,

Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Q; về án phí: Nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn T nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn”; đồng thời ông T có nơi thường trú tại: Số nhà 1 Thôn ACT, xã CM-LC, thành phố Huế. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố Huế.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Q vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đã có lời khai trực tiếp với Tòa án, việc vắng mặt của nguyên đơn tại phiên tòa không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc Q và ông Nguyễn Văn T tự nguyện đi đăng ký kết hôn vào ngày 11/01/1990 tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Hải, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế cũ (nay là Ủy ban nhân dân xã Chân Mây - Lăng Cô, thành phố Huế). Hôn nhân của bà Q và ông T là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì Hội đồng xét xử nhận thấy, vợ chồng bà Q và ông T đã sống ly thân. Việc ông T không đến Tòa án làm việc và không có bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Q điều này chứng tỏ ông T không mong muốn tìm giải pháp để hàn gắn tình trạng hôn nhân dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc Q, bà Q được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

[3.2] Về con chung: Bà Lê Thị Ngọc Q và ông Nguyễn Văn T có 03 người con chung là Nguyễn Lê T Phi, sinh ngày 24/10/1990; Nguyễn Lê Mai Thuý, sinh ngày 26/10/1992 và Nguyễn Lê Đức Long, sinh ngày 26/9/2000. Hiện nay những người con chung đã trưởng thành (trên 18 tuổi), đã có cuộc sống riêng nên bà Q

không yêu cầu về việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Lê Thị Ngọc Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Q là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 của Luật Người cao tuổi, cũng đã có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/2/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Đối với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế có căn cứ pháp luật nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Q.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc Q được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Bà Lê Thị Ngọc Q và ông Nguyễn Văn T có 03 người con chung là Nguyễn Lê T Phi, sinh ngày 24/10/1990; Nguyễn Lê Mai Thuý, sinh ngày 26/10/1992 và Nguyễn Lê Đức Long, sinh ngày 26/9/2000. Hiện nay những người con chung này đã trưởng thành (trên 18 tuổi), đã có cuộc sống riêng nên bà Q không yêu cầu về việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Lê Thị Ngọc Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Ngọc Q được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Q và ông Nguyễn Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4 - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Phòng THADS khu vực 4 - Huế
- UBND xã Chân Mây - Lăng Cô, thành phố Huế;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vũ Như Quỳnh

Hoàng Quốc Toàn

Nguyễn Văn Mạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM